

Bản án số: 25 /2019/HNGĐ-PT

Ngày: 31 - 7 - 2019

V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn A Đam

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhỏ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bà Lê Thị Mầu - Kiểm sát viên.

Trong 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số:101/2019/HNGĐ-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị X, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Mã Văn D, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Mã Văn D – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Bà Phạm Thị X trình bày:**

Bà X và ông Mã Văn D chung sống vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời kỳ hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi, ông D đi nhậu về thường xuyên đánh đập đối với bà. Mặc dù đã được nhiều lần hòa giải nhưng không thể hàn gắn và ly thân khoảng 05 - 06 năm nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, nếu hàn gắn hôn nhân cũng không

mang lại hạnh phúc, nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Mã Hoàng D, sinh năm 2000; Mã Ngọc Đ, sinh ngày 05/5/2004 và Mã Mỹ P, sinh ngày 05/5/2006 đang sinh sống cùng với ông D. Khi ly hôn, đối với Hoàng D đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với Ngọc Đ và Mỹ P, các cháu theo ai thì người đó nuôi. Trường hợp các cháu do ông D nuôi thì bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

Về tài sản chung: 01 căn nhà và một phần đất rừng Phòng hộ có diện tích khoảng 37 công. Khi ly hôn giữa bà với ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ông Mã Văn D trình bày:*

Về thời gian kết hôn, không có đăng ký kết hôn như bà X trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước đây bà X có quan hệ với người đàn ông khác và bỏ đi từ ngày 15/12/2016 cho đến nay. Nay ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 người như bà X trình bày. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông yêu cầu tiếp tục nuôi Mã Ngọc Đ và Mã Mỹ P. Yêu cầu bà X phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu theo mức quy định của pháp luật, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 15/12/2016 cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 101/2019/HNGĐ-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Căn cứ: vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị X và ông Mã Văn D.

2. Về con chung: Giao Mã Ngọc Đ, sinh ngày 05/5/2004 và Mã Mỹ P, sinh ngày 05/5/2006 cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng. Bà X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Mỹ P theo mức 700.000/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 15/12/2016 cho đến khi Mỹ P tròn 18 tuổi. Bà X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/6/2019 bị đơn là ông Mã Văn D có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà X cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc Đ, thời gian cấp dưỡng từ ngày bà X bỏ đi là tháng 12 năm 2016, mỗi tháng 700.000 đồng, cấp một lần.

Tại phiên tòa:

- Ông Mã Văn D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu cấp dưỡng từ ngày 15/12/2016 cho đến khi Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm.

- Bà X không đồng ý yêu cầu của ông D, vì thời gian ly thân bà vẫn gửi tiền lo cho các con học hành; bà để quyền sử dụng đất cho ông D quản lý, bà không có lấy tài sản nào của vợ chồng; hiện tại bà không đi làm, không có thu nhập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm; về án phí, các quyết định khác của án sơ thẩm giữ nguyên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bản án sơ thẩm tuyên xử: Không công nhận bà Phạm Thị X, ông Mã Văn D là vợ chồng; ông D trực tiếp nuôi hai con chung Mã Ngọc Đ, sinh ngày 05/5/2004 và Mã Mỹ P, sinh ngày 05/5/2006. Bà X cấp dưỡng nuôi Mỹ P 700.000/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 15/12/2016 cho đến khi Mỹ P tròn 18 tuổi.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo, ông D yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc Đ, thời gian cấp dưỡng từ ngày bà X bỏ đi là tháng 12 năm 2016, mỗi tháng 700.000 đồng, cấp một lần. Bà X không đồng ý. Qua ý kiến của các đương sự, nhận thấy: Pháp luật quy định người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, ông D yêu cầu bà X phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ là chính đáng. Tuy nhiên, hai đương sự có 03 người con, một người trưởng thành, còn hai cháu vị thành niên, ông D trực tiếp nuôi hai cháu, bản án sơ thẩm buộc bà X cấp dưỡng nuôi 01 cháu từ lúc vợ chồng ly thân, trong khi bà X làm thuê, thu nhập thấp và không ổn định, bà X cũng có yêu cầu nuôi con nhưng do các cháu có nguyện vọng ở với cha, nhưng từ khi vợ chồng ly thân và khi ly hôn bà X vẫn để tài sản khoảng 37 công đất cho ông D canh tác nuôi các con, khi ly hôn bà X không chia tài sản chung. Như vậy, ngoài việc bà X cấp dưỡng cho 01 cháu mỗi tháng 700.000 đồng

thì ông D còn quản lý quyền sử dụng đất canh tác để nuôi con. Do vậy, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông D.

[3]. Từ nhận định trên, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông D; giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 101/2019/HNGĐ-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Án phí phúc thẩm ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Mã Văn D; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 101/2019/HNGĐ-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị X và ông Mã Văn D.

2. Về con chung: Giao Mã Ngọc Đ, sinh ngày 05/5/2004 và Mã Mỹ P, sinh ngày 05/5/2006 cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng. Bà X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Mỹ P theo mức 700.000/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 15/12/2016 cho đến khi Mỹ P tròn 18 tuổi. Bà X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông D cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bà X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà X phải chịu 300.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai số 0009303 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà X phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

4. Án phí phúc thẩm: Ông D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 05/6/2019 ông Mã Văn D có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0009465 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền